

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Ngày 30/09/2025	3,120 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.8%	11.0%	6.1%

DT thuần Q3/25
201
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00 -2.6%
YoY: ▲ 39.0 23.9%

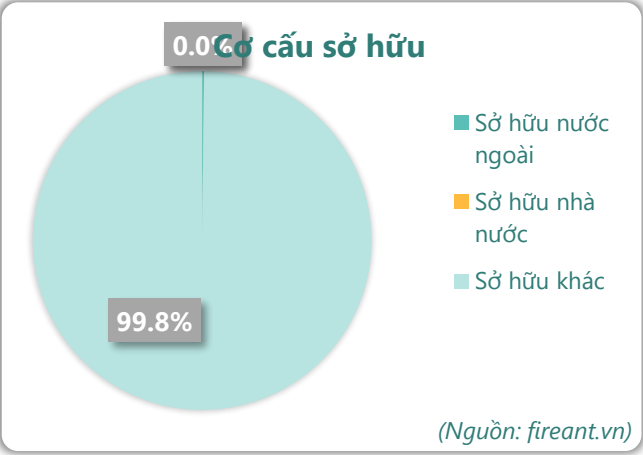
LN thuần Q3/25
16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00 -5.7%
YoY: ▲ 11.9 255%

LN sau thuế Q3/25
12.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40 3.1%
YoY: ▲ 12.0 1792%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
11.0%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE (TTM) Q3/25
0.3%
YoY: +/-▲ 0.2%

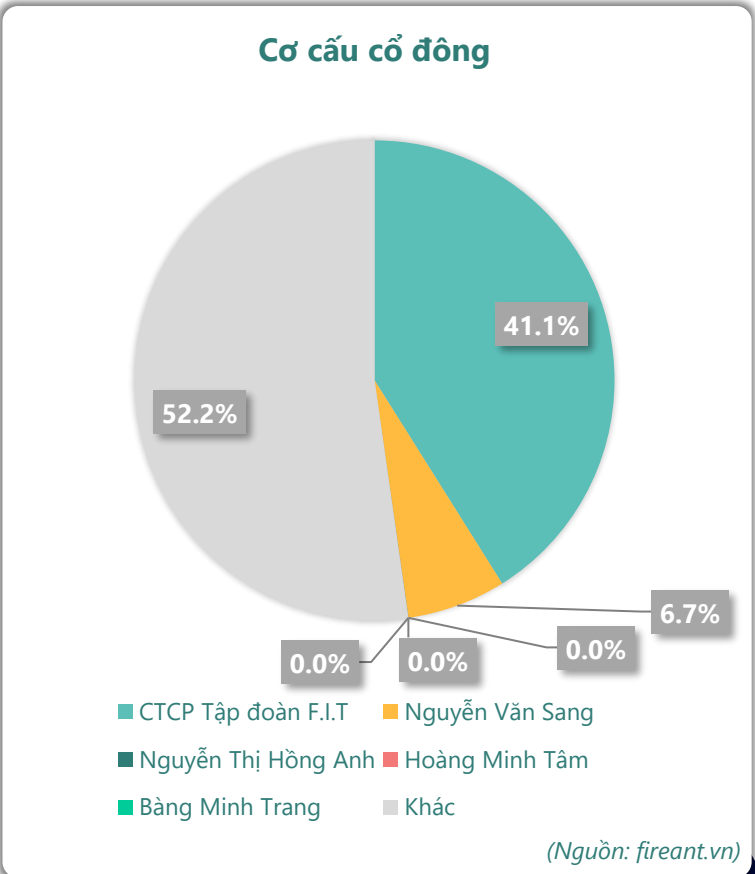
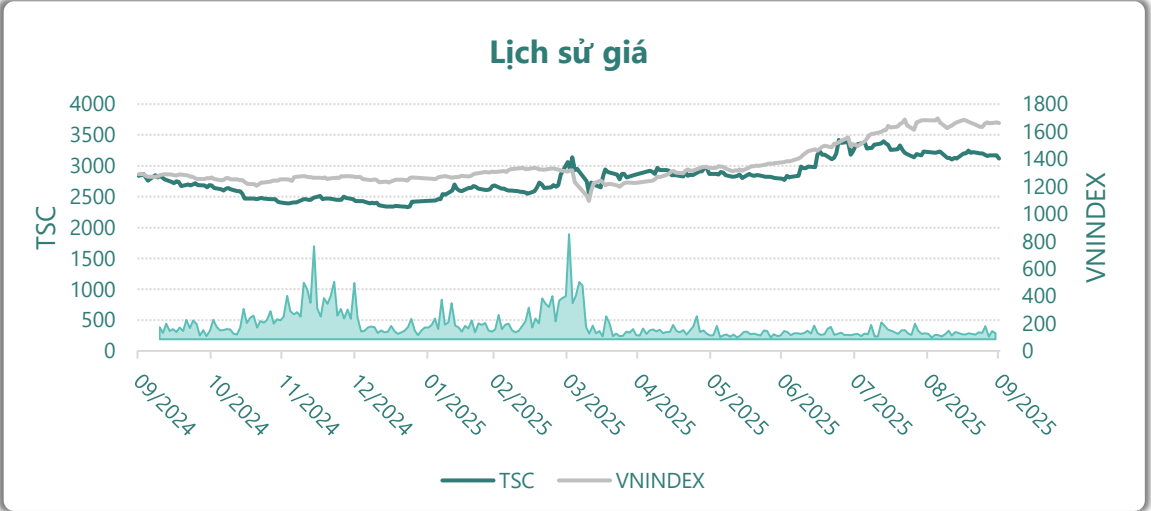
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,330 - 3,420
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	614
Số lượng CPLH (CP)	196,858,925
KLGD BQ 20 phiên (CP)	460,415
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.72
EPS	32
P/E	96.9



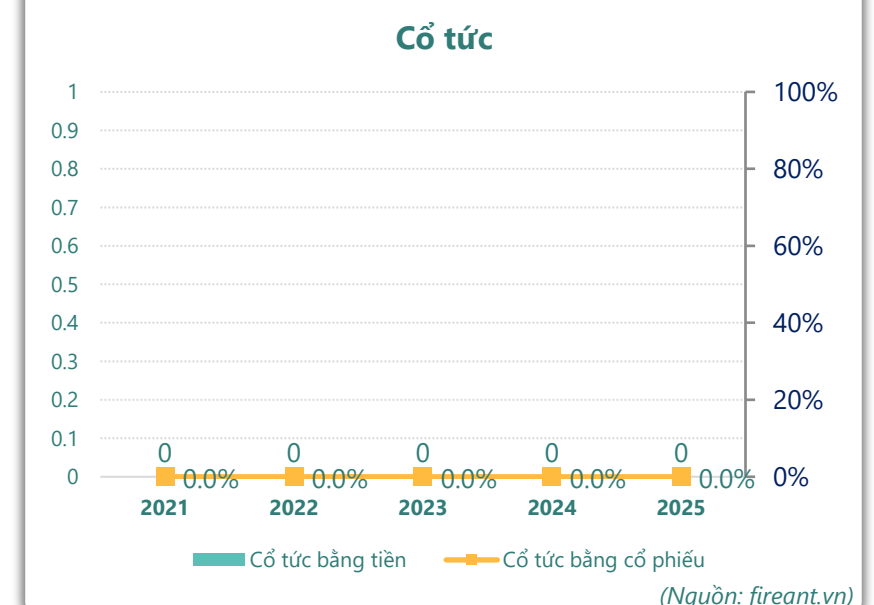
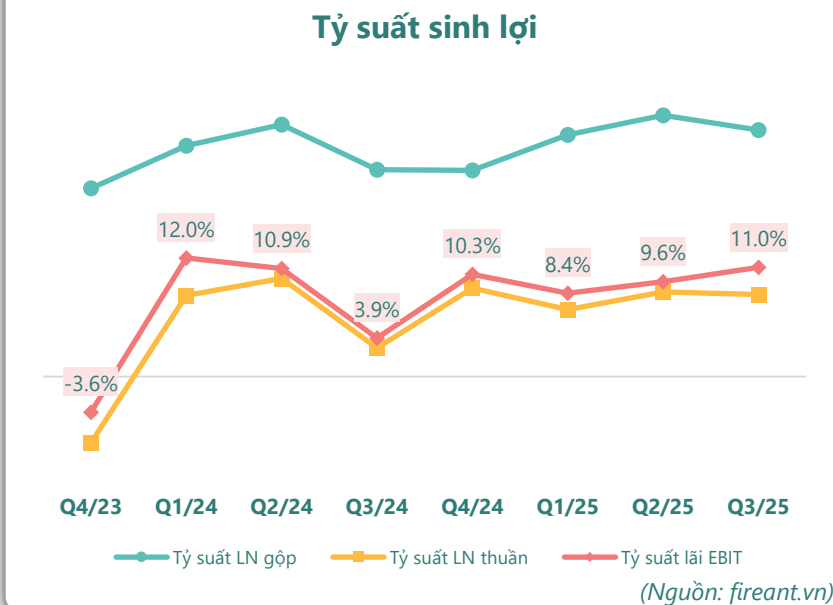
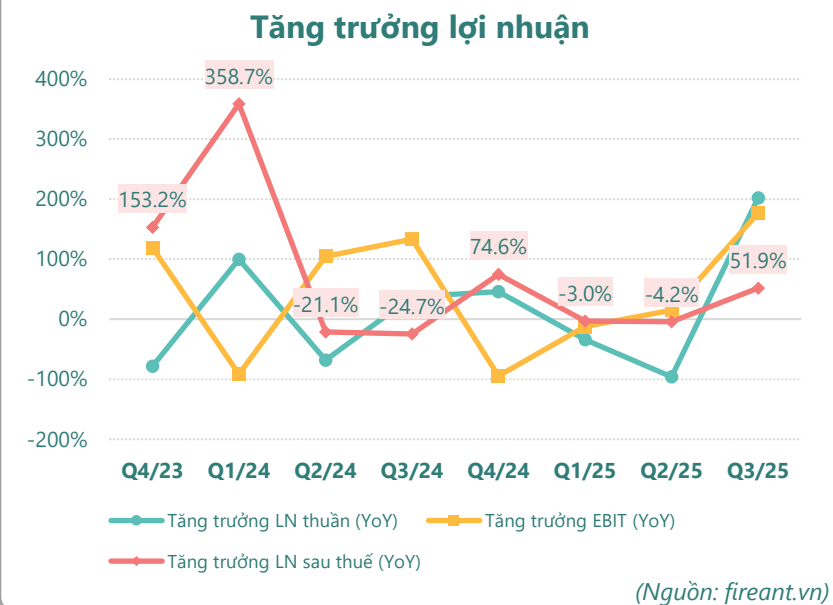
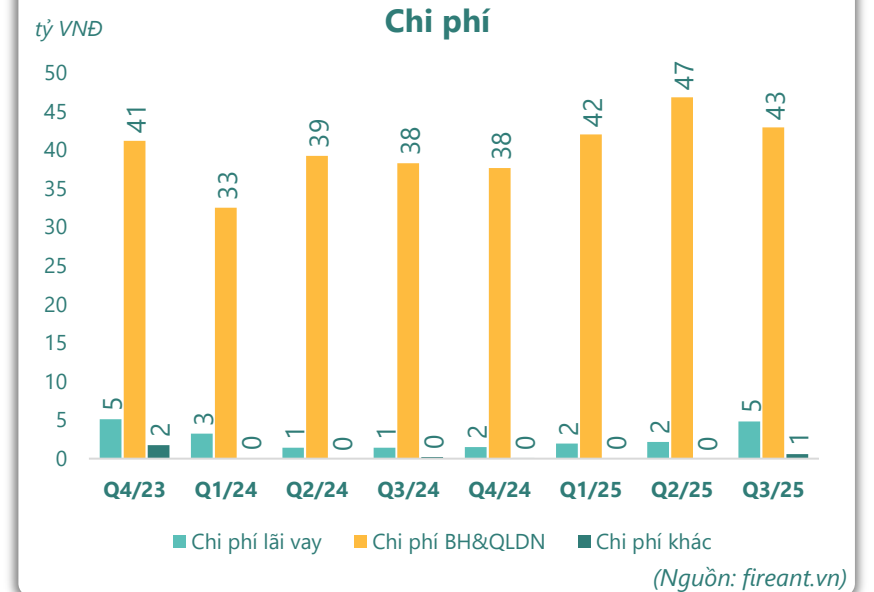
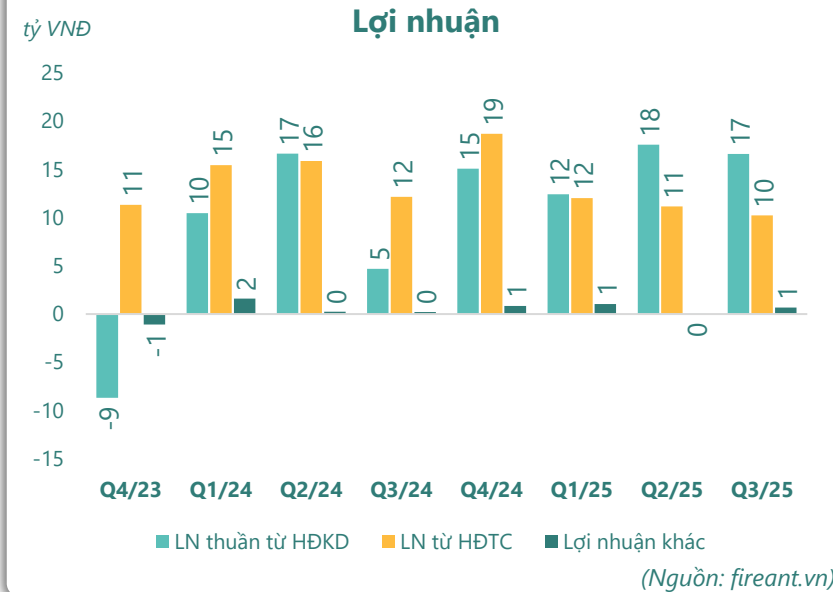
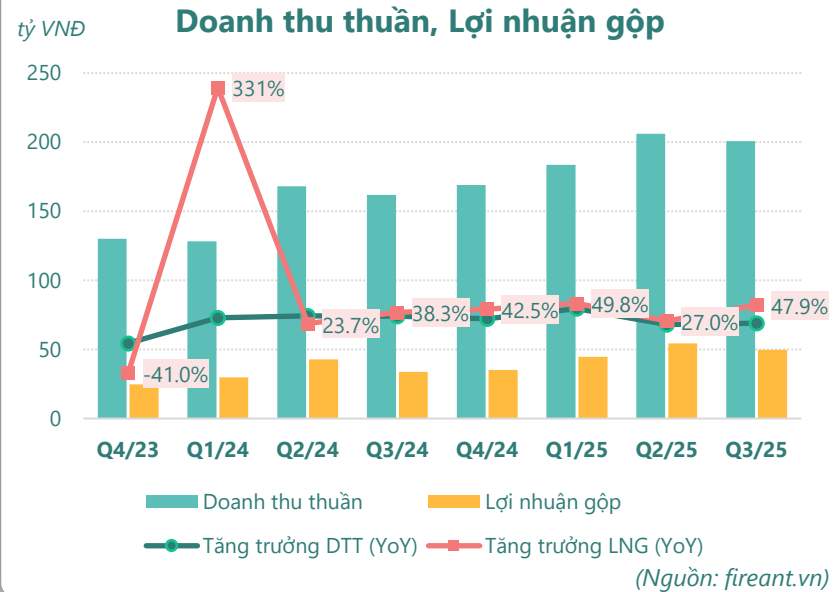
DT thuần 9T 2025
590
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 132 28.8%

LN thuần 9T 2025
46.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.8 46.5%

LN sau thuế 9T 2025
33.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.1 83.0%



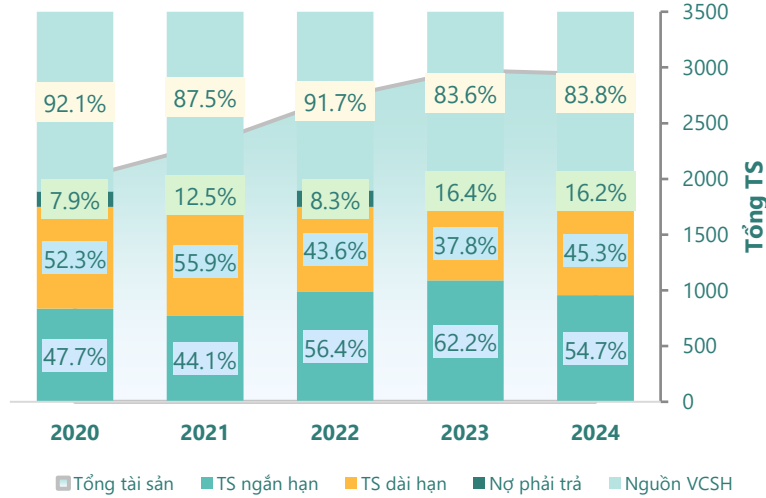
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

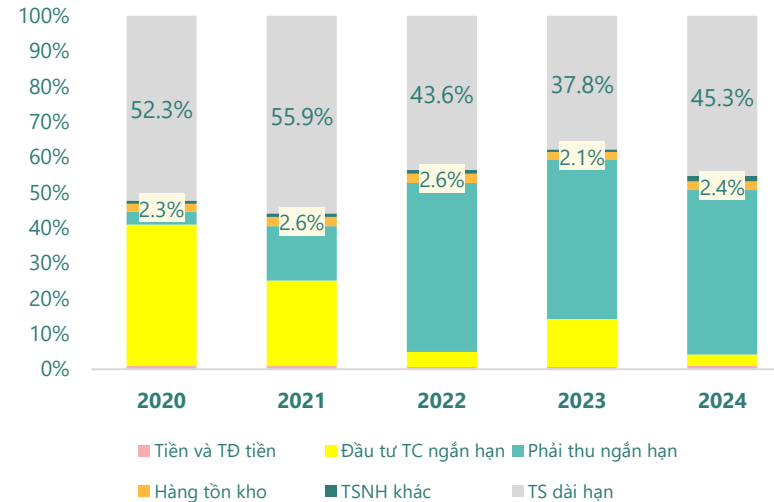
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

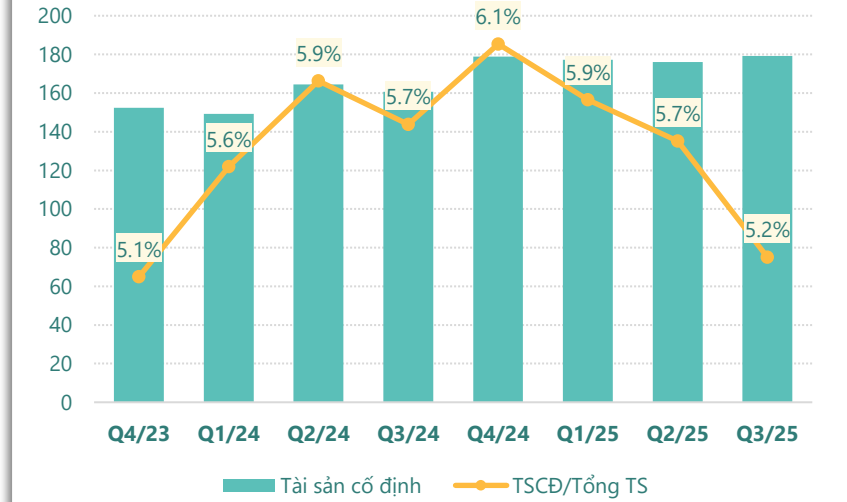
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

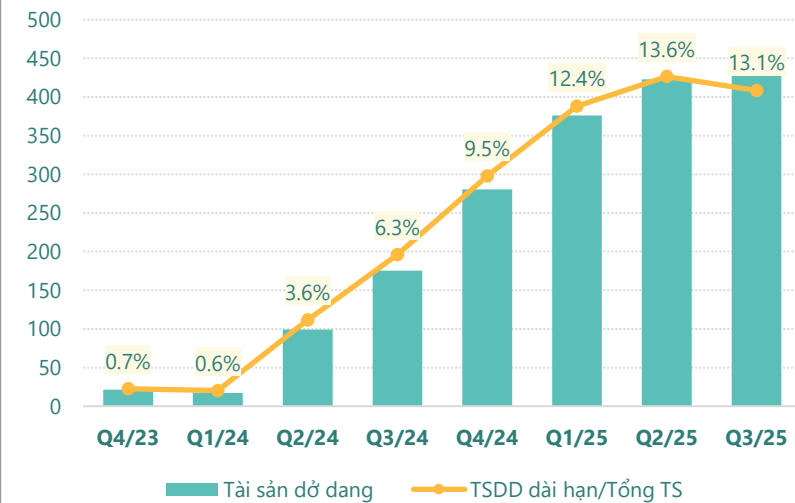
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

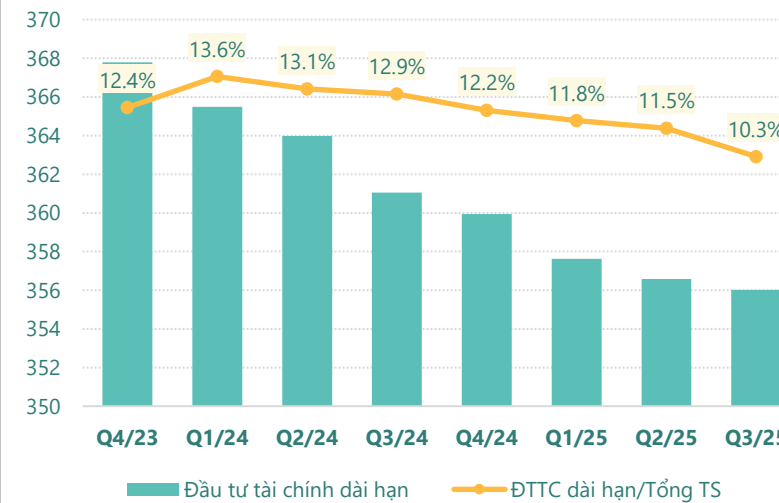
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

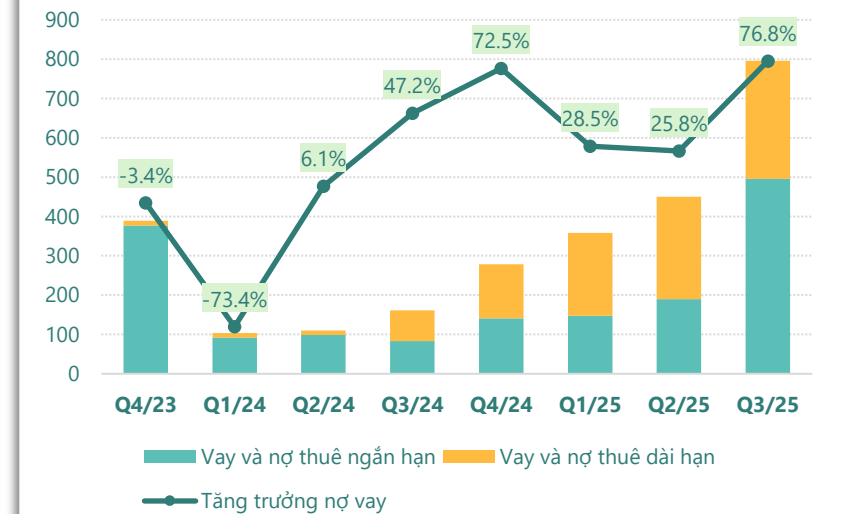
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

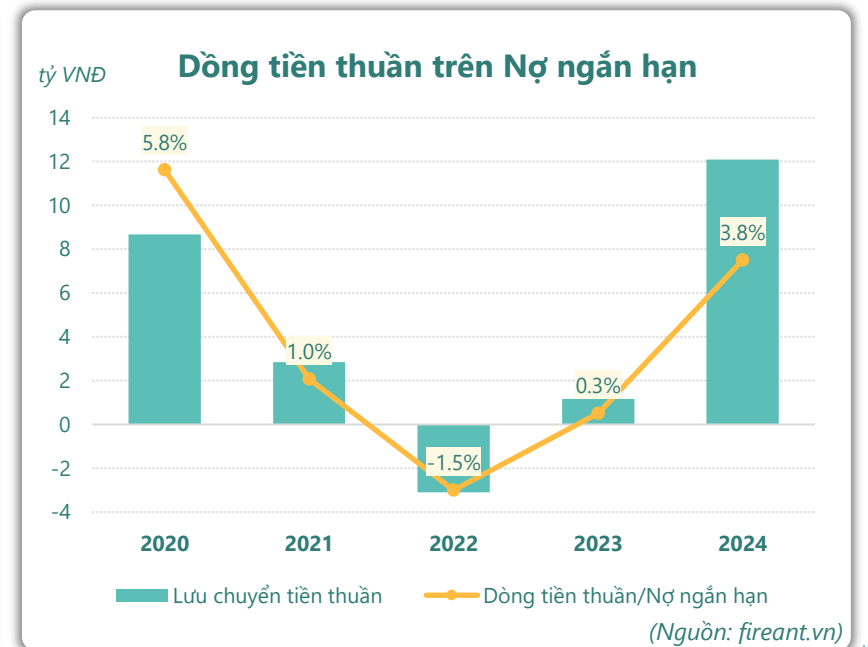
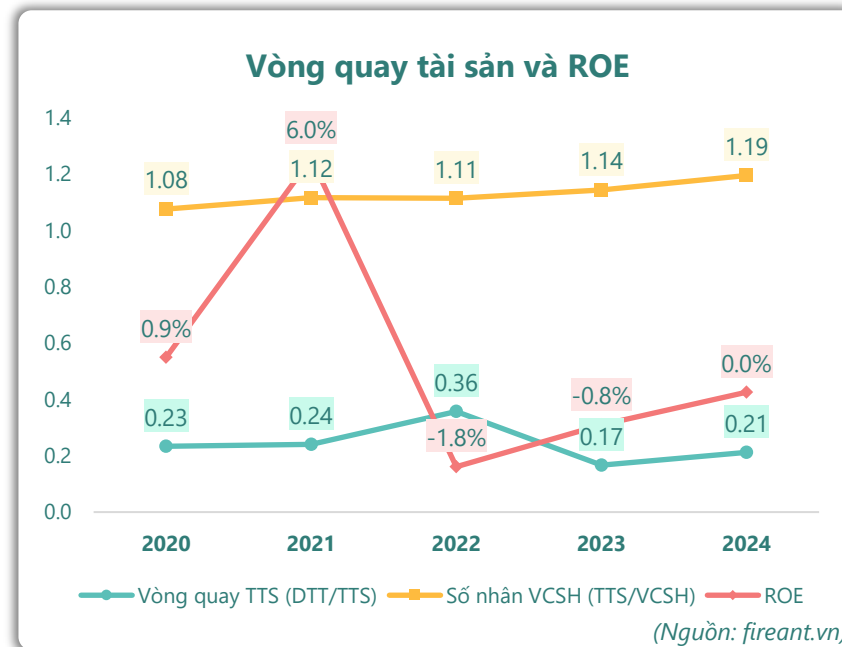
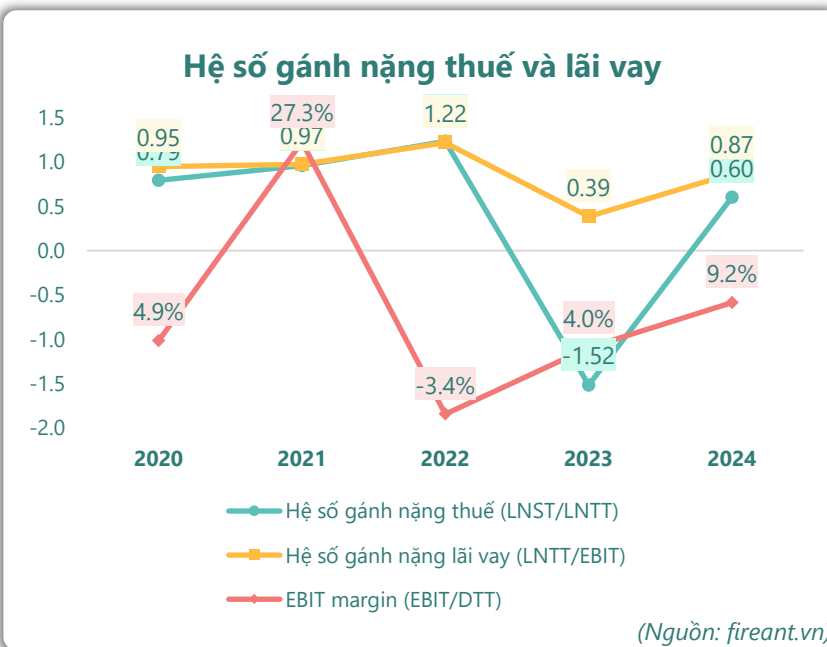
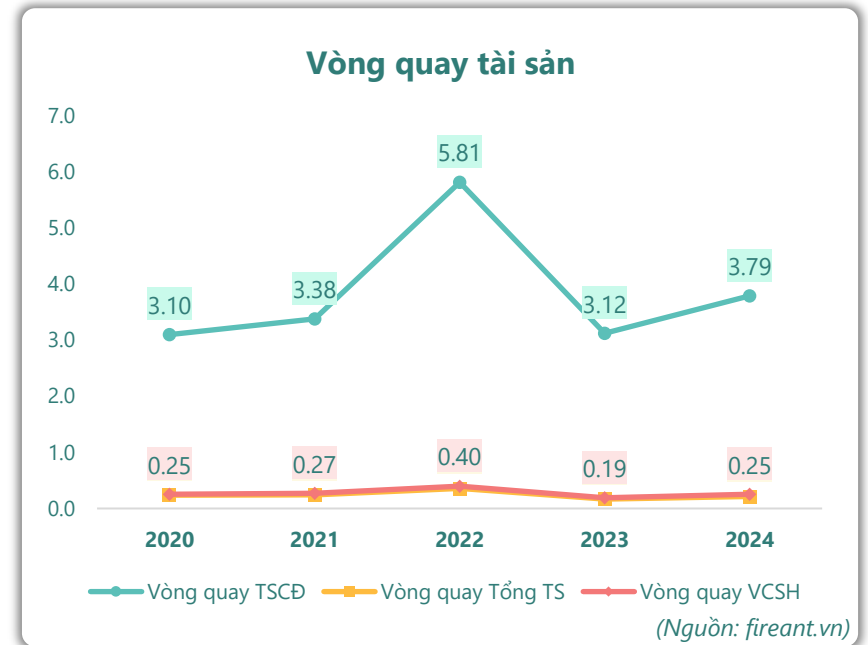
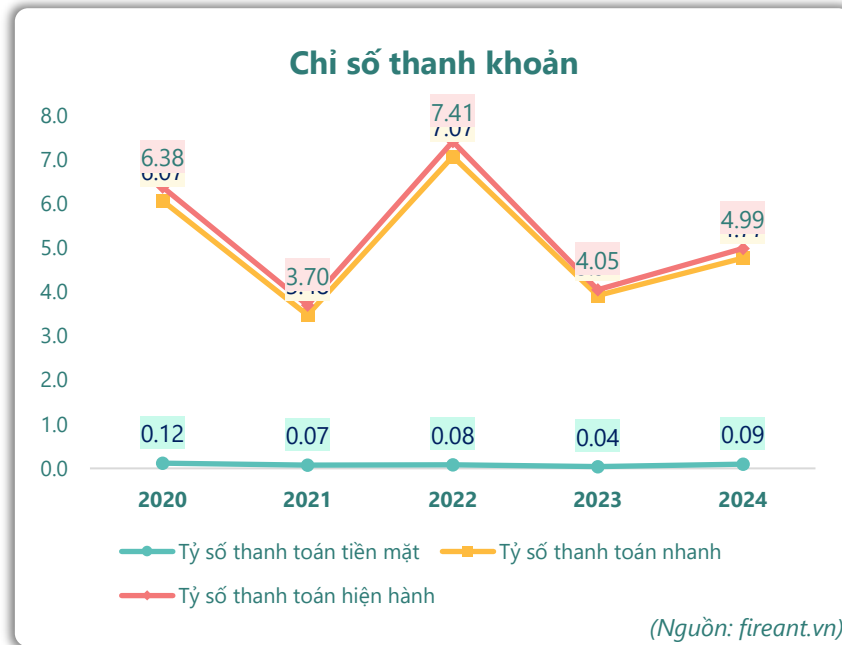
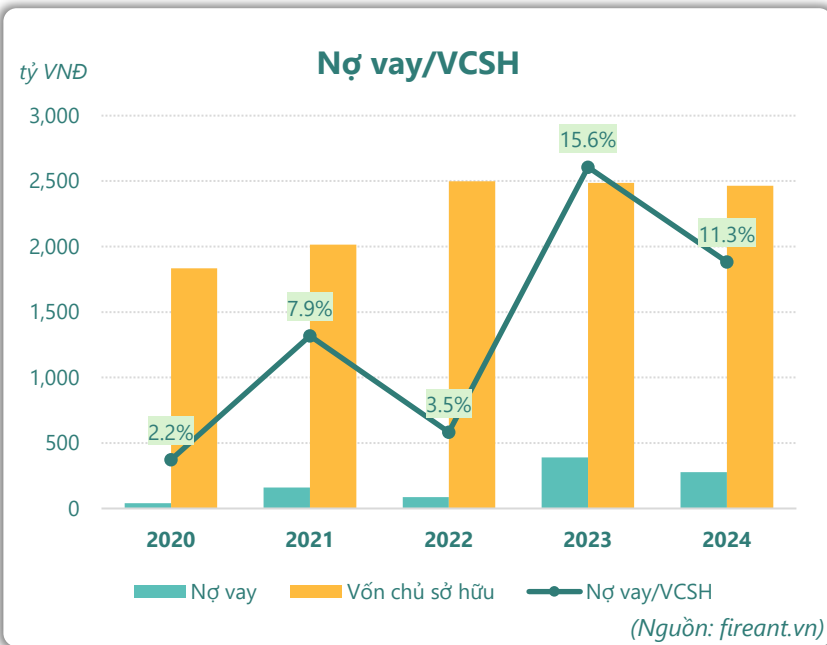
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	201	162	23.9%	590	458	28.8%
Giá vốn hàng bán	151	128	17.8%	441	352	25.4%
Lợi nhuận gộp	49.9	33.7	48.0%	149	106	40.0%
Doanh thu HĐTC	15.6	15.3	2.0%	45.2	50.7	-10.9%
Chi phí TC	5.37	3.12	72.2%	11.8	7.21	63.4%
Chi phí lãi vay	4.84	1.41	243%	8.96	6.10	47.1%
LN trong công ty LKLD	-0.56	-2.93	81.0%	-3.91	-7.94	50.7%
Chi phí bán hàng	15.1	11.5	31.1%	47.2	31.5	49.6%
Chi phí QLDN	27.9	26.8	4.0%	84.6	78.6	7.7%
LN thuần từ HĐKD	16.6	4.67	255%	46.6	31.8	46.5%
Lợi nhuận khác	0.67	0.20	233%	1.69	2.06	-17.8%
LN trước thuế	17.3	4.88	254%	48.3	33.9	42.6%
Lợi nhuận sau thuế	12.7	0.67	1792%	33.4	18.3	83.0%
LNST của CĐ cty mẹ	3.07	-2.93	205%	2.87	-1.71	268%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	103	38.1	26.8	-35.0	3.48	77.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-114	-83.5	-137	-58.8	-100	-382
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.25	51.8	117	79.5	92.4	346
Tiền đầu kỳ	22.6	17.3	23.7	30.6	16.3	12.0
Lưu chuyển tiền thuần	-5.26	6.41	6.85	-14.3	-4.25	40.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.02	-0.01	0.01	0.04
Tiền cuối kỳ	17.3	23.7	30.6	16.3	12.0	52.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,446	2,940	17.2%
Tài sản ngắn hạn	1,992	1,608	23.9%
Tiền và tương đương tiền	52.8	30.6	72.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	388	91.9	322%
Phải thu ngắn hạn	1,381	1,369	0.9%
Hàng tồn kho	111	71.2	55.6%
Tài sản ngắn hạn khác	59.2	44.7	32.3%
Tài sản dài hạn	1,454	1,333	9.1%
Phải thu dài hạn	0.36	0.01	7000%
Tài sản cố định	179	179	0.2%
Bất động sản đầu tư	71.3	71.3	0.0%
Tài sản dở dang	451	280	60.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	356	360	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	39.7	37.9	4.8%
Lợi thế thương mại	357	404	-11.7%
Nợ phải trả	951	477	99.6%
Nợ ngắn hạn	635	322	97.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	495	141	251%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.5	45.6	15.1%
Nợ dài hạn	317	154	105%
Vay và nợ thuê dài hạn	301	137	119%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,495	2,463	1.3%
Vốn chủ sở hữu	2,495	2,463	1.3%
Vốn điều lệ	1,969	1,969	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

